| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH THẠNH**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Minh Tùng;**

2. Ông **Võ Văn Bảy.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**

*2. Bị đơn*: Ông **Lê Văn T**

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

*(Bà H có mặt, ông T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày như sau:*

Hôn nhân giữa bà và ông T đến với nhau là do tự quen biết tìm hiểu yêu thương khoảng 01 năm, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T lo ăn chơi, rượu chè, cờ bạc không chăm lo gì cho cuộc sống gia đình, bà có khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Bà và ông T không chung sống với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân bà cũng như ông T không ai quan

tâm và chăm sóc lẫn nhau, ông T cũng không chủ động hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con: Bà và ông T có 02 con chung tên là Lê Thị A, sinh ngày 11/8/1991 và Lê Thị Anh E, sinh ngày 13/8/1995. Các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự tạo lập cuộc sống riêng tư nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung riêng và nợ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết và tại biên bản ghi lời khai ngày 30.3.2018 ông trình bày như sau:*

Thống nhất với lời trình bày của bà H về hôn nhân do tự tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn thì ông không thống nhất, theo ông vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, ông không rõ lý do vì sao bà H lại bỏ nhà đi. Ông và bà H không chung sống với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông cũng như bà H không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do ông không liên lạc được với bà H nên cũng không chủ động hàn gắn tình cảm. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông không đồng ý vì còn thương bà H.

Về con thống nhất có 02 con chung tên là Lê Thị Trúc A, sinh ngày 11/8/1991 và Lê Thị Anh E, sinh ngày 13/8/1995. Các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự tạo lập cuộc sống riêng tư nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung riêng và nợ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sư trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Văn T là vợ chồng. Về con các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ giải quyết không công nhận là vợ chồng đối với ông Lê Văn T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Văn T: Tại thời điểm năm 1990 bà H và ông T tự nguyện sống chung với nhau, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 11/2017 đến nay ông bà sống ly thân không thể chung sống với nhau được nữa, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét yêu cầu của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Văn T pháp luật không công nhận là vợ chồng

[3] Về con: Bà H và ông T thừa nhận có 02 con chung Lê Thị Trúc A, sinh ngày 11/8/1991 và Lê Thị Anh E, sinh ngày 13/8/1995. Các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự tạo lập cuộc sống riêng tư, nguyên bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Nguyên bị đơn thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 28, 35, 39, 227, 228, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, khoản 1 Điều 14,khoản 2 Điều 53, 54, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Văn T là vợ chồng.
- Về con chung: không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung, riêng và nợ: không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số AB/2013/009586 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ, bà H không phải nộp thêm án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư"

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc trích sao án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Cẩm Phường**